

UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 815/STP-BTTP  
V/v lấy ý kiến đối với Dự thảo Thông  
tư quy định tiêu chuẩn chức danh nghề  
nghiệp Công chứng viên.

Đồng Nai, ngày 04 tháng 4 năm 2018

Kính gửi:

- Các phòng chuyên môn và tương đương;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Các tổ chức hành nghề công chứng.

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 956/BTP-BTTP ngày 22/03/2018 của Bộ Tư pháp về việc lấy ý kiến đối với Dự thảo Thông tư quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp công chứng viên.

Giám đốc Sở Tư pháp yêu cầu các phòng chuyên môn và tương đương, các đơn vị trực thuộc, các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nghiên cứu nội dung Dự thảo Thông tư nêu trên được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp tại địa chỉ <http://stp.dongnai.gov.vn> mục **Văn bản chỉ đạo điều hành** thực hiện góp ý bằng văn bản gửi về Sở Tư pháp qua *email*: [stp.dongnai@gov.vn](mailto:stp.dongnai@gov.vn) hoặc [machphilong@gmail.com](mailto:machphilong@gmail.com) trước ngày **06/04/2018**.

Rất mong sự quan tâm của các đơn vị.!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Trang thông tin điện tử;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Võ Thị Xuân Đào



Số: /2018/TT-BTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

**THÔNG TƯ**

**Quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp công chứng viên**

*Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Luật công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp,*

*Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp công chứng viên.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp công chứng viên, làm căn cứ để quy định mã số và bổ nhiệm, xếp lương theo chức danh nghề nghiệp công chứng viên.

2. Thông tư này áp dụng đối với công chứng viên làm việc tại các Phòng công chứng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 2. Hạng chức danh nghề nghiệp công chứng viên**

Chức danh nghề nghiệp công chứng viên được chia thành ba hạng như sau:

1. Công chứng viên hạng I
2. Công chứng viên hạng II
3. Công chứng viên hạng III.

## Chương II

### TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CÔNG CHỨNG VIÊN

#### Điều 3. Công chứng viên hạng I

##### 1. Nhiệm vụ:

a) Chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch theo quy định của pháp luật;

b) Chứng nhận tính chính xác, hợp pháp, không trái đạo đức xã hội của bản dịch theo quy định của pháp luật;

c) Chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn người tập sự hành nghề công chứng theo quy định của pháp luật;

đ) Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng hàng năm để nâng cao kỹ năng hành nghề công chứng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ công chứng;

e) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, đề xuất kế hoạch, chương trình, sáng kiến, giải pháp trong lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ được giao góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động công chứng;

g) Hướng dẫn công chứng viên hạng II và hạng III nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng hành nghề công chứng;

h) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu đào tạo nghề công chứng, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ công chứng;

i) Tham gia giảng dạy đào tạo nghề công chứng, bồi dưỡng nghề công chứng, bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng hàng năm;

k) Chủ động, tích cực nghiên cứu, phát hiện kịp thời và kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về công chứng; tham gia xây dựng thể chế, chính sách phát triển nghề công chứng, tích cực đóng góp cho sự phát triển nghề công chứng;

l) Chủ trì hoặc tham gia công trình, đề tài, đề án liên quan đến hoạt động công chứng hoặc lĩnh vực pháp luật khác có liên quan;

m) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

##### 2. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp:

a) Thực hiện nghiêm Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng;

b) Thực hiện nghiêm chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức ngành tư pháp;

c) Thực hiện nghiêm nội quy, quy chế của Phòng công chứng nơi mình làm việc, điều lệ của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên mà mình là thành viên;

d) Không vi phạm quy định về các hành vi bị nghiêm cấm đối với công chứng viên và những việc viên chức không được làm.

3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng cử nhân luật;

b) Có Giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng hoặc Giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng;

c) Đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng;

d) Có trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT);

đ) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT).

4. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Am hiểu sâu rộng pháp luật công chứng và pháp luật có liên quan trực tiếp đến hoạt động hành nghề công chứng;

b) Có khả năng giải quyết, hướng dẫn các công chứng viên khác giải quyết các yêu cầu công chứng theo quy định của pháp luật;

c) Nắm vững và có khả năng vận dụng tốt, góp ý xây dựng đề hoàn thiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước và quy định của pháp luật khác có liên quan đến hoạt động hành nghề công chứng;

d) Nắm vững và có khả năng hướng dẫn người tập sự hành nghề công chứng, công chứng viên hạng II và hạng III các kỹ năng hành nghề công chứng;

đ) Có khả năng đề xuất chiến lược, giải pháp phát triển nghề công chứng tại địa phương và trên cả nước;

e) Có khả năng xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu đào tạo nghề công chứng, bồi dưỡng nghề công chứng, bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng hàng năm; có khả năng tham gia giảng dạy nghề công chứng, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ công chứng;

g) Có khả năng nghiên cứu khoa học phục vụ việc phát triển nghề công chứng.

#### **Điều 4. Công chứng viên hạng II**

1. Nhiệm vụ:

a) Chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch theo quy định của pháp luật;

b) Chứng nhận tính chính xác, hợp pháp, không trái đạo đức xã hội của bản dịch theo quy định của pháp luật;

c) Chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn người tập sự hành nghề công chứng theo quy định của pháp luật;

đ) Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng hàng năm để nâng cao kỹ năng hành nghề công chứng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ công chứng;

e) Hướng dẫn công chứng viên hạng III nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng hành nghề công chứng;

g) Tham gia giảng dạy đào tạo nghề công chứng, bồi dưỡng nghề công chứng, bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng hàng năm;

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp:

a) Thực hiện nghiêm Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng;

b) Thực hiện nghiêm chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức ngành tư pháp;

c) Thực hiện nghiêm nội quy, quy chế của Phòng công chứng nơi mình làm việc, điều lệ của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên mà mình là thành viên;

d) Không vi phạm quy định về các hành vi bị nghiêm cấm đối với công chứng viên và những việc viên chức không được làm.

3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng cử nhân luật;

b) Có Giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng hoặc Giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng;

c) Đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng;

d) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

đ) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

4. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Am hiểu pháp luật công chứng và pháp luật có liên quan trực tiếp đến hoạt động hành nghề công chứng;

b) Nắm được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước và quy định của pháp luật khác có liên quan đến hoạt động hành nghề công chứng;

c) Có khả năng giải quyết tất cả các yêu cầu công chứng theo quy định của pháp luật;

d) Nắm vững và có khả năng hướng dẫn người tập sự hành nghề công chứng và công chứng viên hạng III các kỹ năng hành nghề, kiến thức về nghề công chứng;

đ) Có khả năng giảng dạy, bồi dưỡng kỹ năng hành nghề, kiến thức về nghề công chứng.

### **Điều 5. Công chứng viên hạng III**

#### **1. Nhiệm vụ:**

a) Chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch theo quy định của pháp luật;

b) Chứng nhận tính chính xác, hợp pháp, không trái đạo đức xã hội của bản dịch theo quy định của pháp luật;

c) Chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn người tập sự hành nghề công chứng theo quy định của pháp luật;

đ) Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng hàng năm để nâng cao kỹ năng hành nghề công chứng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ công chứng;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **2. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp:**

a) Thực hiện nghiêm Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng;

b) Thực hiện nghiêm chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức ngành tư pháp;

c) Thực hiện nghiêm nội quy, quy chế của Phòng công chứng nơi mình làm việc, điều lệ của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên mà mình là thành viên;

d) Không vi phạm quy định về các hành vi bị nghiêm cấm đối với công chứng viên và những việc viên chức không được làm.

#### **3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:**

a) Có bằng cử nhân luật;

b) Có Giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng hoặc Giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng;

c) Đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng;

d) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

đ) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

4. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững pháp luật công chứng và pháp luật có liên quan trực tiếp đến hoạt động hành nghề công chứng;

b) Nắm được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước và quy định của pháp luật khác có liên quan đến hoạt động hành nghề công chứng;

c) Có khả năng giải quyết các yêu cầu công chứng theo quy định của pháp luật;

d) Có khả năng hướng dẫn người tập sự hành nghề công chứng các kỹ năng hành nghề công chứng.

### **Chương III**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

##### **Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Công chứng viên đang hành nghề là đối tượng áp dụng của Thông tư này được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp theo quy định sau đây:

a) Công chứng viên hiện giữ ngạch chuyên viên cao cấp (mã số 01.001) hoặc tương đương thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp công chứng viên hạng I;

b) Công chứng viên hiện giữ ngạch chuyên viên chính (mã số 01.002) hoặc tương đương thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp công chứng viên hạng II;

c) Công chứng viên hiện giữ ngạch chuyên viên (mã số 01.003) hoặc tương đương thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp công chứng viên hạng III.

2. Khi bổ nhiệm từ ngạch chuyên viên hiện giữ vào chức danh nghề nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều này không được kết hợp nâng bậc lương hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

##### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này là căn cứ để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ công chứng viên làm việc tại các Phòng công chứng.

2. Cơ quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng công chứng viên có trách nhiệm tạo điều kiện để công chứng viên bổ sung những tiêu chuẩn còn thiếu của chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư này đối với công chứng viên



đã được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp tương ứng quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

**Điều 8. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày            tháng            năm 2018.

**Điều 9. Trách nhiệm thi hành**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tư pháp để xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng BCĐ phòng, chống tham nhũng TW;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, BTTP.

**BỘ TRƯỞNG**

**Lê Thành Long**

